

Bản án số: 19/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng và ông Nguyễn Đình Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXX - ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nay là Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm V, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay là: Xóm V, xã Đ, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại nước ngoài. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/01/2025 và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2015, quyền số 01/2014. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian. Cho đến năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát do cả hai không hòa hợp trong suy nghĩ, cách sống, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân nên thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng cùng nhau giải quyết, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng. Do cuộc sống chung quá nặng nề nên vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H tự nguyện xin ly hôn với anh Nguyễn Đình M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình M có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/9/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 11/03/2023. Ngoài cháu B và cháu Á, vợ chồng không có con

chung, con riêng nào khác. Hiện nay, cả hai cháu Ngọc B và Ngọc Á đang ở cùng với chị H tại địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa, nay là Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và cháu Á. Về vấn đề cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh Nguyễn Đình M cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Đình M: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn là anh Nguyễn Đình M vắng mặt. Chị Bùi Thị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay anh M cư trú, chị chỉ biết hiện nay anh M đang sinh sống tại Hàn Quốc. Tòa án đã hai lần gửi văn bản yêu cầu ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1957 và bà Trần Thị M1, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm V, xã Đ, tỉnh Nghệ An cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cũng như yêu cầu thông báo với anh M để gửi lời khai về cho Tòa án. Tuy nhiên, tại đơn trình bày bà M1 cho biết thời gian ở nước ngoài, anh M thường xuyên liên lạc về với bà qua điện thoại còn địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài thì anh M không cung cấp nên bà không biết. Bà đã thông báo cho anh M biết về việc Tòa án nhân dân khu vực 2- Nghệ An đang thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa chị H. Về việc giải quyết vụ án thì bà M1 yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử đã thực hiện hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đình M.

Về con chung: Chị H và anh M, có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/9/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 11/03/2023. Hiện nay, cả hai cháu Ngọc B và Ngọc Á đang ở cùng với chị H tại địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa. Giao 02 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và cháu Á. Về vấn đề cấp dưỡng, chị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do nguyên đơn không yêu cầu.

Về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình có đương sự hiện đang ở nước ngoài. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đình M hiện đang ở Hàn Quốc, không có địa chỉ cụ thể, ông Nguyễn Đình H1 và bà Trần Thị M1 (là bố mẹ đẻ của anh M) đã thông báo cho con trai về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 2- Nghệ An. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng liên quan theo quy định pháp luật đồng thời yêu cầu ông H1, bà M1 cung cấp địa chỉ cụ thể của anh M ở

Hàn Quốc nhưng ông H1, bà M1 không cung cấp được. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai, Tòa án không nhận được bất cứ văn bản nào của anh M trình bày về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H nên được coi như trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết theo quy định tại khoản 1 điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đình M vắng mặt Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt các đương sự.

[3] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 21/01/2025 và được Ủy ban nhân dân xã N cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2015, quyền số 01/2014. Căn cứ vào Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị H và anh M là hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc một thời gian. Cho đến năm 2023, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát do cả hai không hòa hợp trong suy nghĩ, cách sống, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân nên thường xuyên tranh cãi, mâu thuẫn. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng cùng nhau giải quyết, gia đình hai bên cũng nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vẫn trầm trọng. Do cuộc sống chung quá nặng nề nên vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Mẹ của anh Nguyễn Đình M cũng thừa nhận nội dung chị H và anh M không còn sống chung với nhau từ lâu, và hai bên không còn chăm sóc và quan tâm đến nhau. Như vậy, đời sống hôn nhân của chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình M.

[3.2] Về con chung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà Trần Thị M1 - là mẹ của anh Nguyễn Đình M thì xác định: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh M có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/9/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 11/03/2023. Ngoài cháu B và cháu Á, vợ chồng không có con chung, con riêng nào khác. Hiện nay, cả hai cháu Ngọc B và Ngọc Á đang ở cùng với chị H tại địa chỉ: Thôn T, xã L, tỉnh Thanh Hóa. Ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B và cháu Á. Về vấn đề cấp dưỡng, chị H không yêu cầu anh Nguyễn Đình M cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Xét, nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế, vì hiện nay, anh Nguyễn Đình M đang ở nước ngoài và cố tình giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/9/2014 và Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 11/03/2023. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình M, do chị H không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Bùi Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi năm 2025;
- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đình M
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc B, sinh ngày 29/9/2014 và Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 11/03/2023 cho chị Bùi Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Đình M.

Anh Nguyễn Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002514 ngày 18/7/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Nghệ An.

5. Chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Đình M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2-Nghệ An;
- UBND xã Đông Lộc;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa